

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 24 - 8 - 2020.

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ly;

Ông Lý Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thảm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch T; Cư trú: Ấp Phước N, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P; Cư trú: Số 6, ấp Cầu Đ, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T – theo giấy ủy quyền ngày 16/9/2019 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị Kim T; Cư trú: Ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2019 của bà Nguyễn Thị Bạch T và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Kim Điền P trình bày:

Vào năm 2011, bà T làm chủ hội, còn bà Hà Thị Kim T là hội viên, bà T tham gia chơi hội cụ thể như sau:

- Dây hội mùa 04 tháng khai một lần, khai ngày 25 tháng 01 năm 2011, dây hội này có 15 phần, bà T tham gia 01 phần, hội 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Bà T đóng hội được 01 lần vào ngày 25/01/2011, đến lần khai hội thứ 02 vào ngày

25/05/2011 bà T hốt hụi với số tiền là 38.250.000 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền này đã trừ tiền đầu thảo, sau khi hốt hụi bà T đóng hụi chết đến lần khui hụi thứ 03 vào ngày 25/09/2011. Từ lần khui hụi thứ 04 thì bà T không đóng hụi chết nữa. Hiện nay dây hụi này đã mãn vào ngày 25/01/2016, bà T còn nợ 11 lần hụi chết với số tiền là 55.000.000. Tuy nhiên, do bà T tham gia nhiều dây hụi và không có tiền đóng hụi nên đã vay của bà T để đóng tiền hụi chết với tổng số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Ngày 01/08/2015, bà T có viết giấy nhận nợ với tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày mở ngày 01/08/2014, bà T tham gia 02 phần, hụi 40.000 đồng. Bà T đóng hụi được lần thứ nhất, đến lần thứ hai là ngày 02/08/2014 thì bà T hốt 02 phần số tiền là 3.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T đóng hụi chết đến lần thứ 25 là ngày 25/08/2014 tổng số tiền đã đóng là 25 lần x 40.000 đồng = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thì ngưng đóng cho đến nay. Bà T còn nợ lại 75 lần hụi chết với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà bà T còn nợ 02 dây hụi là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 93.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 48.000.000 đồng. Buộc bà Hà Thị Kim T phải trả cho bà T số tiền lãi chậm trả kể từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền hụi còn nợ là 90.520.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại tờ tường trình ngày 18 và ngày 26 tháng 3 năm 2020 bị đơn bà Hà Thị Kim T trình bày:

Bị đơn thừa nhận có tham gia chơi hụi do nguyên đơn làm chủ hụi và có làm biên nhận nợ cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 90.520.000 đồng, trong số tiền bị đơn nợ của nguyên đơn bao gồm tiền vốn và tiền lãi của tiền hụi. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn đồng ý trả gấp đôi số tiền 36.000.000 đồng hoặc theo quy định của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 90.520.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui. Trong quá trình tham gia chơi hui bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền nợ hui. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hui.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui là 93.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi của tiền hui, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ theo biên nhận là 90.520.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[5] Bị đơn thừa nhận có tham gia chơi hui của nguyên đơn và có ký nhận nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn thiếu. Bị đơn thừa nhận có tham gia chơi hui do nguyên đơn làm chủ hui, 02 dây hui ngày 25/01/2011 và ngày 01/8/2014, bị đơn có hót hui và bị đơn có làm biên nhận nợ tiền vốn và tiền lời hui cho nguyên đơn nhưng bị đơn phản đối cho rằng: Trong số tiền 90.520.000 đồng có tiền vốn và tiền lời của tiền hui. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong giấy nhận nợ (tiền hui) bị đơn ký nhận nợ cho nguyên đơn, bị đơn thừa nhận 02 dây hui này hiện nay hui đã mất. Tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường thì *“Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ...”*. Căn cứ quy định này thì bị đơn phải có nghĩa vụ đóng hui hót rồi (hui chết) cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp tờ tường trình có xác nhận những người hiểu biết sự việc, nội dung tờ tường trình và nội dung xác nhận của ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Văn T và ông Võ Hoàng S, những người này xác nhận nội dung tiền lãi và vụ mất xe không

phải nội dung là tiền hối, Tòa án thông báo cho bị đơn biết không chấp nhận người làm chứng do bị đơn yêu cầu, vì những người này xác nhận không có liên quan đến tiền hối, bị đơn cũng thừa nhận tiền vốn và tiền lời của tiền hối. Như vậy, sự phản đối của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Từ những phân tích nêu trên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hối còn nợ là 90.520.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí là 4.526.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, phường

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T. Buộc bị đơn bà Hà Thị Kim T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T tiền hối còn nợ là 90.520.000 đồng (Chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.525.000 đồng (Ba triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000459 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.526.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh